TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2023/HNGĐ-PT
Ngày 23 tháng 3 năm 2023
V/v: Tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Điêu Thị Bích Lượt

Các Thẩm phán: ông Hg Tiến Dũng

Ông Nguyễn Quang Vũ

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Hồng Quân - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ: Bà Lê Thị Thanh Hải- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2023/TLPT- HNGĐ ngày 09 tháng 2 năm 2023 về việc: "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 41/2022/HNGĐ-ST ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh Phú Thọ bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXX-PT ngày 20 tháng 02 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Bùi Như Q, sinh năm: 1994.

TT: Thôn ĐT, xã QL, huyện NQ, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Anh Trần Xuân Đ, sinh năm 1994.

TT: Khu 8, xã ĐX huyện TT, tỉnh Phú Thọ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Đ: Ông Nguyễn Đức H - Luật sư Công ty TNHH H1 - Đoàn luật sư thành phố Hà Nội

Địa chỉ: Tổ dân phố 2, NT, phường ĐM, quận NTL, thành phố Hà Nội

Người kháng cáo: Anh Trần Xuân Đ là bị đơn

(Chị Q có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Đ, ông H có mặt)

NỘI D VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn là chị Bùi Như Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Trần Xuân Đ ngày 11/04/2017, có sự tìm hiểu tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐX, huyện TT, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống chung, tình cảm vợ chồng bước đầu hoà thuận, hạnh phúc. Sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ tháng 9 năm 2017, chị phát hiện anh Đ chơi bời nợ nần, có qua lại với người phụ nữ khác. Anh Đ không tu chí làm ăn, không chăm lo được cho vợ con. Đến tháng 3 năm 2021,

chị cùng con về nhà ngoại sinh sống. Trong thời gian sống ly thân anh Đ không những không quan tâm chăm lo cho vợ con mà còn có về nhà ngoại ở Ninh Bình và có hành vi bạo lực đối với chị.

Từ đầu năm 2022, anh Đ không chu cấp tiền nuôi con, cũng không quan tâm đến vợ con, nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị được ly hôn với anh Trần Xuân Đ.

Về con chung: Anh, chị có 01 con chung là cháu Trần Bùi Hoàng D, sinh ngày 03/8/2017. Khi ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu D và không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Chị xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Xuân Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh kết hôn với chị Bùi Như Q ngày 11/04/2017, có sự tìm hiểu tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐX, huyện Thanh Thuỷ, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống chung, tình cảm vợ chồng bước đầu hoà thuận, hạnh phúc. Trong khi chung sống vợ chồng anh có cãi vã nhỏ nhặt, không to tát, anh vẫn chăm lo cho vợ con từ ngày cưới đến tết năm 2022 cuộc sống vẫn đầy đủ. Từ đầu năm 2022 đến nay anh vẫn chu cấp cho con đầy đủ chỉ không cho vợ tiền sinh hoạt vì chị Q không quan tâm đến anh mà quan tâm đến người đàn ông khác. Anh có đọc tin nhắn chị Q nhắn tin tình cảm cho người đàn ông kia nên anh không chu cấp tiền cho chị Q nữa. Anh vẫn nhắn tin, gọi điện cho chị Q hàng ngày, anh muốn chị Q quay về nhưng chị Q không đồng ý và mỗi lần anh về nhà ngoại ở Ninh Bình là chị Q lảng tránh và đi ngủ qua đêm không về. Anh muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái, cho con có cuộc sống đầy đủ nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Trần Bùi Hoàng D, sinh ngày 03/8/2017.

Anh không đồng ý cho chị Q một mình nuôi con. Anh có nguyện vọng vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái trưởng thành. Hiện nay cháu D đang ở với anh và ông bà nội ở xã ĐX, huyện TT. Anh có dự định sẽ đưa cháu xuống Hà Nội để chăm sóc, cho cháu đi học, mẹ đẻ của anh sẽ xuống ở cùng để chăm sóc cháu.

Hiện nay công việc của anh là làm xây dựng, thu nhập trung bình hàng tháng là 15.000.000 đồng/tháng, anh vẫn thường xuyên về nhà ở ĐX.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay, công sức đóng góp: không có.

Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã ĐX xác định: Vợ chồng anh Đ chị Q trước đây có sinh sống tại địa phương. Trong thời gian chung sống vợ chồng có xảy ra xô xát, cãi vã. Chị Q cùng con đã về nhà ngoại ở Ninh Bình sinh sống từ đầu năm 2021. Anh chị có một con chung là cháu Trần Bùi Hoàng D, sinh năm 2017. Anh Đ là lao động tự do không thường xuyên ở địa phương mà đi làm ở Hà Nội. Nay chị Q có đơn xin ly hôn, đề nghị Toà án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết đảm bảo quyền lợi của người phụ nữ và trẻ em.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 41/2022/DS-ST ngày 30/12/2022, Tòa án nhân dân huyện TT (TAND) đã quyết định:

Căn cứ: Khoản 4, Điều 147; Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ: Khoản 1, Điều 51; Khoản 1, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ: Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Như Q được ly hôn anh Trần Xuân Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Bùi Hoàng D, sinh ngày 03/8/2017 cho chị Bùi Như Q trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục kể từ khi chấm dứt quan hệ hôn nhân cho đến khi cháu D thành niên.

Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Sau khi ly hôn, nếu các bên có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/01/2023 anh Đ kháng cáo không nhất trí với bản án sơ thẩm: Đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm số 41/2022/HNGĐ - ST của TAND huyện TT vì vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và xin được đoàn tụ, nếu ly hôn anh Đ xin nuôi con.

Tại phiên tòa phúc thẩm anh Đ xin rút kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm số 41/2022/HNGĐ - ST của TAND huyện TT và rút kháng cáo xin được đoàn tụ, chỉ đề nghị tòa phúc thẩm xin được nuôi con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Không chấp nhận kháng cáo của anh Trần Xuân Đ. Giữ nguyên bản án sơ thẩm. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu rút kháng cáo của anh Đ.

(Chi tiết tại bài phát biểu của Kiểm sát viên lưu hồ sơ vụ án).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Kháng cáo của anh Trần Xuân Đ là bị đơn trong hạn luật định, hợp lệ nên được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Nội D kháng cáo trong phạm vi xét xử của bản án sơ thẩm. Vì vậy, Hội đồng xét xử xem xét nội D này theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội D kháng cáo:

Tại phiên tòa phúc thẩm anh Đ xin rút kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm số 41/2022/HNGĐ - ST của TAND huyện TT và rút kháng cáo xin được đoàn tụ, xét thấy việc rút kháng cáo của anh Đ là tự nguyện phù hợp với pháp

luật nên được chấp nhận và nên Hội đồng xét xử phúc thẩm đình chỉ không xem xét đối với 2 nội D kháng cáo trên.

Đối với kháng cáo xin được nuôi con chung Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Anh Đ và chị Q đều có nguyện vọng được nuôi con chung là cháu Trần Bùi Hoàng D, sinh ngày 03/8/2017. Xét thấy cả anh Đ và chị Q đều có công việc và có thu nhập đủ điều kiện nuôi con chung. Tuy nhiên, hiện nay cháu D còn nhỏ, lại là con gái. Chị Q hiện đang ở nhà bố, mẹ đẻ điều kiện rất tốt, làm công việc gần nhà mức thu nhập hàng tháng ổn định là 8.000.000đồng. Phía anh Đ hiện tại công ty ở Hà Nội, anh Đ làm công việc xây dựng thuê theo vụ việc, không ổn định một chỗ, nhà ở đi thuê, thu nhập cũng phụ thuộc vào công việc, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá toàn diện đầy đủ và quyết định giao cháu D cho chị Q trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp với thực tế cũng như pháp luật, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho trẻ em và phụ nữ khi ly hôn, đảm bảo cho cháu D cuộc sống tốt nhất cả về điều kiện vật chất cũng như tinh thần. Do vậy, không có cơ sở chấp nhận nội D kháng cáo xin nuôi con chung của anh Đ.

Quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí phúc thẩm: Kháng cáo không được chấp nhận nên anh Đ phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 148, khoản 3 Điều 298 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a, Khoản 5 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của anh Đ đề nghị hủy bản án sơ thẩm số 41/2022/HNGĐ - ST của TAND huyện TT và kháng cáo xin được đoàn tụ.

[1] Không chấp nhận kháng cáo của anh Trần Xuân Đ. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 41/2022/DS-ST ngày 30/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện TT, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ khoản 1, Điều 51; Khoản 1, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Như Q ly hôn anh Trần Xuân Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Bùi Hoàng D, sinh ngày 03/8/2017 cho chị Bùi Như Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu D thành niên.

Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Q. Anh Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Sau khi ly hôn, nếu các bên có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về án phí

Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Bùi Như Q phải chịu 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền số AA/2020/0006072 ngày 13/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thuỷ, tỉnh Phú Thọ.

Án phí dân sự phúc thẩm: Anh Trần Xuân Đ phải chịu 300.000đồng*(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận anh Đ đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2020/0006133 ngày 17/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thuỷ, tỉnh Phú Thọ.

"Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a Điều 9 Luật thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

[3] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- TAND h.TT;
- Chi cục THADS h.TT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Điêu Thị Bích Lượt

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TT
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 41/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 30 - 12 -2022
V/v: "Tranh chấp Hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TT TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Đặng Xuân Bộ**
Hội thẩm nhân dân: Ông **Đoàn Hồng Canh**
Ông **Nguyễn Thành Lâm**

- Thư ký phiên toà: Bà **Nguyễn Thị Như Q** - Thư ký Toà án nhân dân huyện TT, tỉnh Phú Thọ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TT, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: ông H**g Tuấn Dũng** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 12 năm 2022. Tại trụ sở Toà án nhân dân huyện TT, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 159/2022/TLST- HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2022 về tranh chấp "Hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 105/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên toà số 63/2022/QĐST-HNGĐ ngày 14/12/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Như Q, sinh năm: 1994.
Địa chỉ: Thôn ĐT, xã QL, huyện NQ, tỉnh Ninh Bình.
(Có đơn xin xét xử vắng mặt)
- Bị đơn: Anh Trần Xuân Đ, sinh năm 1994.
Địa chỉ: Khu 8, xã ĐX huyện TT, tỉnh Phú Thọ.
(Vắng mặt)

NỘI D VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo tại Tòa án – Nguyên đơn chị Bùi Như Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Trần Xuân Đ ngày 11/04/2017, có sự tìm hiểu tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐX, huyện Thanh Thuỷ, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống chung, tình cảm vợ chồng bước đầu hoà thuận, hạnh phúc. Sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ tháng 9 năm 2017, chị phát hiện anh Đ chơi bời nợ nần, có qua lại với người phụ nữ khác. Anh Đ không tu chí làm ăn, khônng chăm lo được cho vợ con. Đến tháng 3 năm 2021, chị cùng con về nhà ngoại sinh sống. Trong thời gian sống ly thân anh Đ không những không quan tâm chăm lo cho vợ con mà còn có về nhà ngoại ở Ninh Bình và có hành vi bạo lực đối với chị.

Từ đầu năm 2022, anh Đ không chu cấp tiền nuôi con, cũng không quan tâm đến vợ con, nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị được ly hôn với anh Trần Xuân Đ.

Về con chung: Có 01 con chung:

Cháu Trần Bùi Hoàng D, sinh ngày 03/8/2017.

Chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu D và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Chị xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Xuân Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân:

Anh kết hôn với chị Bùi Như Q ngày 11/04/2017, có sự tìm hiểu tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐX, huyện Thanh Thuỷ, tỉnh Phú Thọ. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống chung, tình cảm vợ chồng bước đầu hoà thuận, hạnh phúc. Trong khi chung sống vợ chồng anh có cãi vã nhỏ nhặt, không to tát, anh vẫn chăm lo cho vợ con từ ngày cưới đến tết năm 2022 cuộc sống vẫn đầy đủ. Từ đầu năm 2022 đến nay anh vẫn chu cấp cho con đầy đủ chỉ không cho vợ tiền sinh hoạt vì chị Q không quan tâm đến anh mà quan tâm đến người đàn ông khác. Anh có được đọc tin nhắn chị Q nhắn tin tình cảm cho người đàn ông kia nên anh không chu cấp tiền cho chị Q nữa. Anh vẫn nhắn tin, gọi điện cho chị Q hàng ngày, anh muốn chị Q quay về nhưng chị Q không đồng ý, và mỗi lần anh về nhà ngoại ở Ninh Bình là chị Q lảng tránh và đi ngủ qua đêm không về. Anh muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con cái, cho con có cuộc sống đầy đủ nên tôi không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung:

Cháu Trần Bùi Hoàng D, sinh ngày 03/8/2017.

Anh không đồng ý cho chị Q một mình nuôi con. Anh có nguyện vọng vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái trưởng thành. Hiện nay cháu D đang ở với anh và ông bà nội ở ĐX. Anh có dự định sẽ đưa cháu xuống Hà Nội để chăm sóc, cho cháu đi học, mẹ đẻ của anh sẽ xuống ở cùng để chăm sóc cháu.

Hiện nay công việc của anh là làm xây dựng, thu nhập trung bình hàng tháng là 15.000.000 đồng/tháng, anh vẫn thường xuyên về nhà ở ĐX.

Về tài sản chung, nợ chung, cho vay, công sức đóng góp: không có.

Qua xác minh tại Ủy ban nhân dân xã ĐX xác định: Vợ chồng anh Đ chị Q trước đây có sinh sống tại địa phương. Trong thời gian chung sống vợ chồng có xảy ra xô xát, cãi vã. Chị Q cùng con đã về nhà ngoại ở Ninh Bình sinh sống từ đầu năm 2021. Anh chị có một con chung là cháu Trần Bùi Hoàng D, sinh năm 2017. Anh Đ là lao động tự do không thường xuyên ở địa phương mà đi làm ở Hà Nội. Nay chị Q có đơn xin ly hôn, đề nghị Toà án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết đảm bảo quyền lợi của người phụ nữ và trẻ em.

Phát biểu của Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thuỷ tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: *Quá trình thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ*

đúng theo quy định của pháp luật; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

***- Về nội D vụ án**: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị Q, xử cho chị Q được ly hôn anh Đ.*

Về con chung: Có một con chung là cháu Trần Bùi Hoàng D, sinh ngày 03/8/2017. Giao cháu D cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ khi chấm dứt quan hệ hôn nhân cho đến khi cháu D thành niên. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay và công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này.

Về án phí: chị Q phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên toà hôm nay. Hội đồng xét xử(HĐXX) nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã làm đúng các trình tự theo quy định của pháp luật. Tòa án đã báo gọi và triệu tập các đương sự đến Tòa án để làm việc và hòa giải nhưng tại các phiên hòa giải chị Q và anh Đ đã không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Anh Đ vắng mặt lần thứ 2 tại phiên toà không có lý do vì vậy HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh Trần Xuân Đ là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Bùi Như Q có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 điều 227; khoản 1 Điều 238 của bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Như Q và anh Trần Văn Đ kết hôn từ ngày 11/4/2017. Khi kết hôn hai anh, chị đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không thuộc các trường hợp cấm kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã ĐX, huyện TT, tỉnh Phú Thọ. Vì vậy quan hệ hôn nhân của chị Bùi Như Q và anh Trân Xuân Đ là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do hai bên bất đồng quan điểm sống, chị Q và anh Đ đều nghi ngờ bên kia có quan hệ ngoại tình, hai bên đều ngờ vực, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau. Anh Đ có hành vi bạo hành gia đình đối với chị Q. Chị Q và anh Đ đã sống ly thân từ tháng 3 năm 2021 đến nay không còn quan tâm, thăm hỏi, chăm sóc lẫn nhau, chị Q đã đưa con về nhà ngoại ở Ninh Bình sinh sống. Chị Q xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị được ly hôn với anh Đ. Anh Đ nhận thấy đời sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nhưng muốn con có cả bố mẹ nên không đồng ý ly hôn.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Như Q và anh Trần Xuân Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không Đ được. Anh Đ mặc dù không đồng ý ly hôn nhưng không có thái độ muốn hàn gắn chị Q. Anh chị đã sống ly thân từ lâu, dự định của anh Đ

là đưa mẹ đẻ xuống Hà Nội để chăm sóc con chung và anh Đ không tham gia phiên hoà giải lần 2 tại Toà án cũng cho thấy anh Đ không có nguyện vọng được đoàn tụ gia đình với chị Q. Vì vậy chị Q có nguyện vọng ly hôn anh Đ, cần chấp nhận yêu cầu của chị Q là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Q và anh Đ đều xác nhận có 01 con chung là cháu Trần Bùi Hoàng D, sinh ngày 03/8/2017.

Sau khi ly hôn chị Q và anh Đ đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Trần Bùi Hoàng D cho đến khi cháu thành niên và không đề nghị bên kia cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung: Tòa án tiến hành xem xét điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung của chị Q và anh Đ thấy chị Q có công việc thu nhập ổn định, về điều kiện ăn ở cũng như điều kiện chăm sóc con đều đảm bảo. Chị Q hiện đang làm việc ở Công ty TNHH Đầu tư Thương mại Dịch vụ Tràng An thu nhập ổn định là 8.000.000 đồng/tháng. Tại biên bản xác minh ở địa phương thì địa phương cung cấp anh Đ là lao động tự do, làm xây dựng ở Hà Nội. Anh Đ khai thu nhập hàng tháng là 15.000.000 đồng nhưng vì là lao động tự do nên không cung cấp được bảng lương cho Toà án.

Xét thấy cháu D hiện nay còn nhỏ, vẫn đang đi học mẫu giáo, cần sự quan tâm, chăm sóc, giáo dục từ người mẹ. Hơn nữa điều kiện chăm sóc của chị Q tốt hơn, chị Q có thu nhập ổn định, có thời gian chăm sóc con. Vì vậy cần giao cháu Trần Bùi Hoàng D cho chị Bùi Như Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục là phù hợp.

Về cấp dưỡng: Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Q do chị Q không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Chị Q và anh Đ đều xác định không có.

[5]Về án phí: Chị Q phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

[6] Quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

*Căn cứ: Khoản 4, Điều 147; Điểm b, Khoản 2, Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

*Căn cứ: Khoản 1, Điều 51; Khoản 1, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

*Căn cứ: Điểm a, Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về về mức thu, miễn giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

***Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Như Q được ly hôn anh Trần Xuân Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Trần Bùi Hoàng D, sinh ngày 03/8/2017 cho chị Bùi Như Q trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục kể từ khi chấm dứt quan hệ hôn nhân cho đến khi cháu D thành niên.

Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung, cho vay và công sức đóng góp: Không đặt ra giải quyết trong vụ án này. Sau khi ly hôn, nếu các bên có yêu cầu, Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

4. Về án phí DSST: Chị Bùi Như Q phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu tiền số AA/2020/0006072 ngày 13/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thuỷ, tỉnh Phú Thọ.

"Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a Điều 9 Luật thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đoàn Hồng Canh **Nguyễn Thành Lâm** **Đặng Xuân Bộ**

Nơi nhận:
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã ĐX, huyện Thanh Thuỷ, tỉnh Phú Thọ (Nơi đkkh);
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Xuân Bộ